TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05/6/2026

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Mận;
2. Ông Mo ha Mach A Mine.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Ngụy Ái Linh – Thư ký viên.

Đại diện VKSND khu vực 6 – Đồng Nai: không tham dự.

Ngày 05/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2026/TLST- HNGĐ ngày 25/02/2026, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2026/QĐST–HNGĐ ngày 15/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Anh T, sinh năm 1998.
- Địa chỉ: tổ A, ấp P, xã L, thành phố Đ.
- Bị đơn: Ông Võ Tâm T1, sinh năm 1998.
- Địa chỉ: tổ A, ấp C, xã X, thành phố Đ.

(Bà T, ông T1 đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2026 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Anh T trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 20/9/2025 bà và ông Võ Tâm T1 đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đ).

Vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng chưa chung sống với nhau. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà đề nghị được ly hôn với ông T1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung theo bà T là không có.

Bà có đơn đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc và đề nghị vắng mặt, không tham dự phiên toà.

* Tại bản tự khai ngày 15/5/2026, bị đơn ông Võ Tâm T1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn với bà T.

Ông có đơn đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc và đề nghị vắng mặt, không tham dự phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Anh T có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với ông Võ Tâm T1, cư trú tại: tổ A, ấp C, xã X, thành phố Đ. Như vậy, đây là vụ án "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Anh T là nguyên đơn, ông Võ Tâm T1 là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà T và ông T1 có đơn xét xử vắng mặt; căn cứ điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T1 là phù hợp.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Anh T và ông Võ Tâm T1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/9/2025 tại UBND xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, thành phố Đ). Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Vợ chồng đăng ký kết hôn nhưng chưa chung sống với nhau, bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn rứt, không thể hàn gắn nên có yêu cầu ly hôn. Ông T1 cũng đồng ý ly hôn với bà T. Nghĩ đây là sự tự nguyện của đôi bên nên ghi nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Theo bà T và ông T1 là không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là thành phố Đ) theo biên lai thu tiền số 0003974 ngày 25/02/2026 thành án phí. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Anh T được ly hôn với ông Võ Tâm T1.

2. Về con chung: không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà T và ông T1 là không có và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) theo biên lai thu tiền số 0003974 ngày 25/02/2026 thành án phí. Bà T đã nộp đủ án phí.

Báo cho bà T, ông T1 biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND KV6 – Đồng Nai;
- Phòng thi hành án khu vực 6;
- UBND xã Xuân Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng